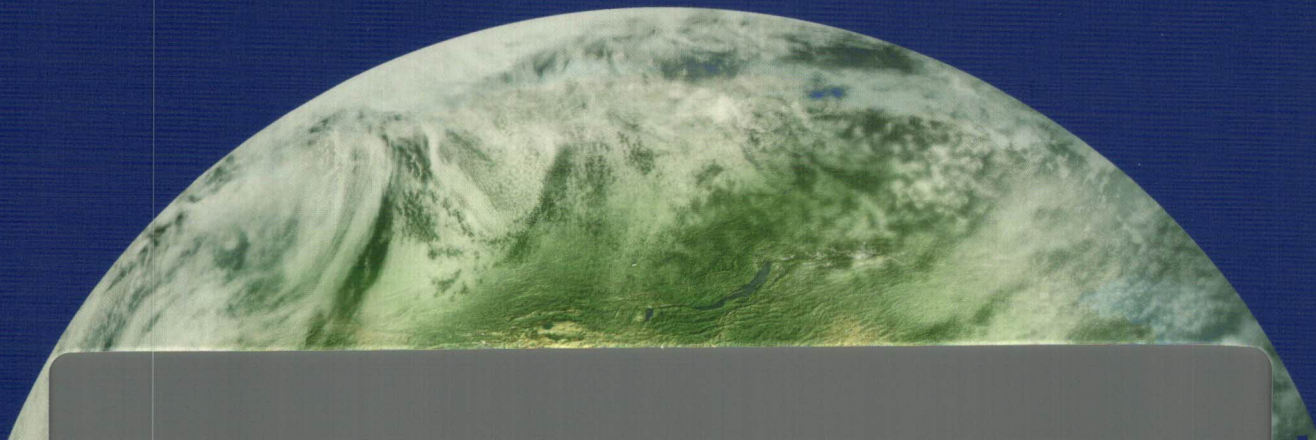


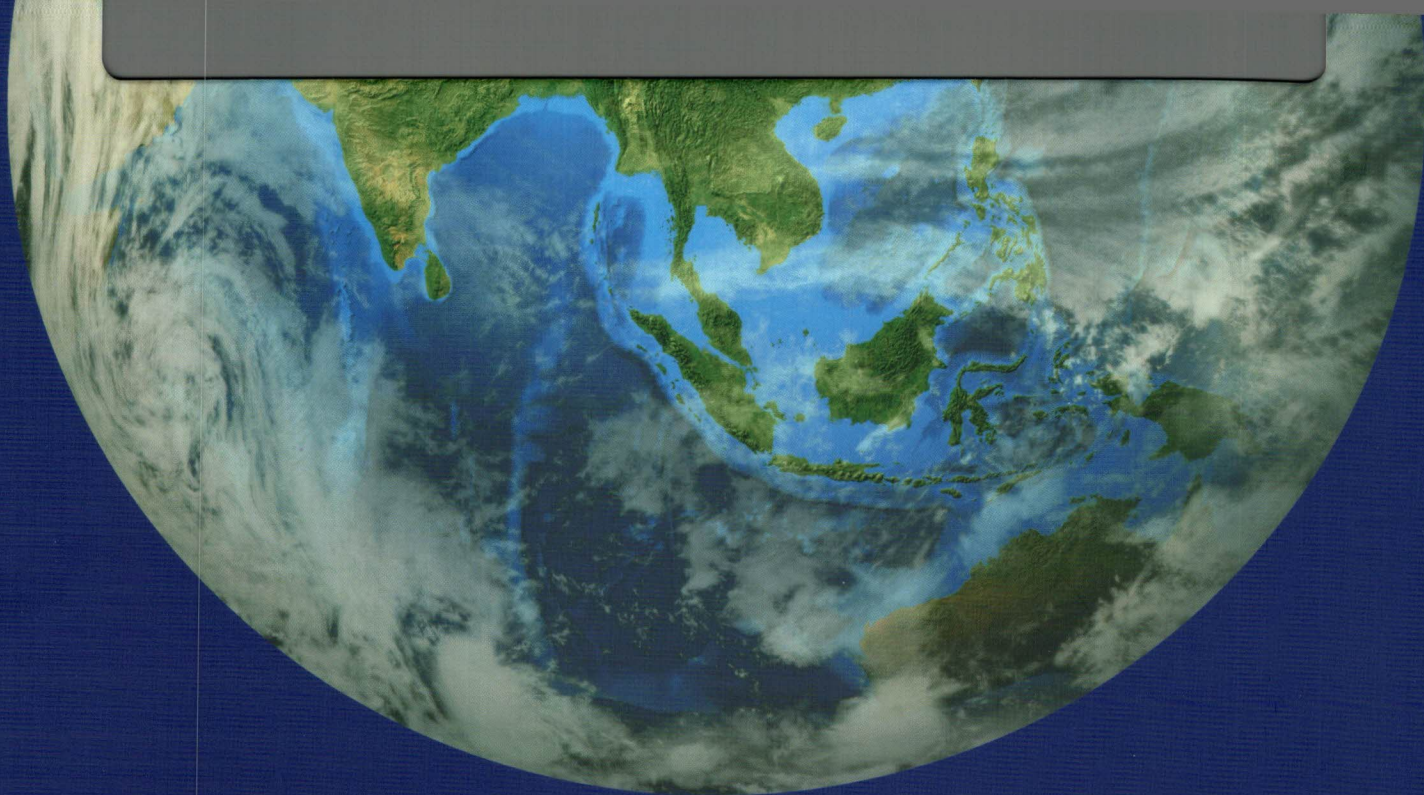


Qualified Services
with Global
Understanding and Vision



Local Expertise
International Presence





Head Office in Hanoi: 8th floor, VG Building,
No. 235 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi, Vietnam

+84 (24) 3 783 2121
+84 (24) 3 783 2122

info@cpvietnam.vn
www.cpvietnam.vn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 - 34

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

Số 15 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam trình bày Báo cáo của Ban Điều hành cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 23/11/1995.

Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/9/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 02/01/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103351 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/02/2007, đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp thay đổi các lần và lần thứ 07 ngày 29/3/2023.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 29/3/2023 là: 438.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng*).

Trụ sở chính: Số 15 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, phường Kim Liên, TP. Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với Mã chứng khoán VEC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành của Tổng Công ty đã điều hành trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Hải Vĩnh	Thành viên
Ông Phạm Nguyên Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 10/4/2025)
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 10/4/2025)

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Hoài Anh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Ông Phạm Trung Hoàng	Thành viên

Ban Điều hành

Ông Vũ Hải Vĩnh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Nguyên Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Giáp Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Văn Viết Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Dũng	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 09/4/2025)
Ông Vũ Văn Tuấn	Phụ trách Kế toán (Bổ nhiệm ngày 10/4/2025)

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Điều hành,



Phạm Nguyên Anh
Phó Tổng Giám đốc

(Giấy ủy quyền số 207/UQ/ĐT-VP ngày 07/5/2025)

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Số: 379/2025/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành****Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam được lập ngày 27/8/2025, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30/6/2025, Tổng Công ty chưa xem xét việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với các khoản công nợ đã quá hạn thanh toán với giá gốc 43,3 tỷ VND (tại ngày 31/12/2024 là 43,6 tỷ VND). Với những tài liệu Tổng Công ty cung cấp, chúng tôi chưa thể ước tính được số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập (nếu có). Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày 30/6/2025, Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công trình “Thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị, vận chuyển đến công trường, lắp đặt, kiểm tra thử nghiệm, bàn giao và bảo hành hệ thống thải tro xỉ Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2” số tiền 2,69 tỷ VND (tại ngày 31/12/2024 là 2,69 tỷ VND). Với những tài liệu Tổng Công ty cung cấp, chúng tôi chưa thể ước tính được số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập (nếu có). Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được kiểm toán viên khác soát xét; kiểm toán viên này đưa ra Báo cáo soát xét vào ngày 29/8/2024 có dạng kết luận ngoại trừ về việc:

- Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các công nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán số tiền 47,2 tỷ đồng.
- Tổng Công ty chưa đánh giá lãi/lỗ tiềm tàng của công trình “Thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị, vận chuyển đến công trường, lắp đặt, kiểm tra thử nghiệm, bàn giao và bảo hành hệ thống thải tro xỉ Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2” để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Các vấn đề ngoại trừ nêu trên vẫn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		217.690.214.491	215.894.152.155
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	73.824.237.228	66.281.277.735
1. Tiền	111		14.224.237.228	16.681.277.735
2. Các khoản tương đương tiền	112		59.600.000.000	49.600.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		124.247.739.338	130.019.043.043
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	83.755.225.343	88.608.564.332
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	23.372.354.638	24.765.074.819
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	31.049.496.892	30.574.741.427
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(13.929.337.535)	(13.929.337.535)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	19.403.253.925	19.363.313.587
1. Hàng tồn kho	141		19.403.253.925	19.363.313.587
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		214.984.000	230.517.790
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	169.853.497	185.387.287
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	45.130.503	45.130.503
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		267.974.658.885	278.139.128.134
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		120.245.200	120.245.200
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	120.245.200	120.245.200
II. Tài sản cố định	220		43.844.207.648	44.359.981.003
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	26.075.067.648	26.590.841.003
- Nguyên giá	222		58.901.910.695	58.852.547.059
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.826.843.047)	(32.261.706.056)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	17.769.140.000	17.769.140.000
- Nguyên giá	228		18.109.230.400	18.109.230.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340.090.400)	(340.090.400)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.517.794.123	5.517.794.123
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	5.517.794.123	5.517.794.123
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	218.464.737.165	228.103.422.309
1. Đầu tư vào Công ty con	251	5.11	299.518.746.692	299.518.746.692
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252	5.11	78.969.568.728	78.969.568.728
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	5.11	(160.023.578.255)	(150.384.893.111)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		27.674.749	37.685.499
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	27.674.749	37.685.499
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		485.664.873.376	494.033.280.289

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		71.239.450.941	67.693.963.366
I. Nợ ngắn hạn	310		70.219.450.941	66.673.963.366
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	38.873.872.910	36.553.714.568
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	20.767.315.873	19.003.820.589
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	102.819.977	78.028.111
4. Phải trả người lao động	314		2.190.829.367	2.771.306.893
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	47.800.000	47.800.000
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	289.250.000	311.937.500
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	7.940.370.042	7.900.162.933
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		7.192.772	7.192.772
II. Nợ dài hạn	330		1.020.000.000	1.020.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	1.020.000.000	1.020.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		414.425.422.435	426.339.316.923
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	414.425.422.435	426.339.316.923
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		438.000.000.000	438.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		38.679.596.792	38.679.596.792
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(62.254.174.357)	(50.340.279.869)
- LNST chưa phân phối lũy kế	421a		(50.340.279.869)	(23.031.947.886)
- đến cuối kỳ trước				
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(11.913.894.488)	(27.308.331.983)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		485.664.873.376	494.033.280.289
(440 = 300+400)				

Người lập biểu/Phụ trách Kế toán



Vũ Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Nguyên Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	55.413.317.603	29.446.725.506
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		55.413.317.603	29.446.725.506
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	50.358.913.297	24.968.383.894
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		5.054.404.306	4.478.341.612
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.537.718.894	3.527.366.207
7. Chi phí tài chính	22	6.4	9.767.419.192	19.911.903.970
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	387.040.316
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	681.999.411	183.479.117
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	12.046.221.186	12.507.997.530
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(11.903.516.589)	(24.597.672.798)
11. Thu nhập khác	31	6.6	112.195.263	50.001
12. Chi phí khác	32	6.6	122.573.162	1.168.173
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(10.377.899)	(1.118.172)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(11.913.894.488)	(24.598.790.970)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(11.913.894.488)	(24.598.790.970)

Người lập biểu/Phụ trách Kế toán



Vũ Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Nguyên Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(11.913.894.488)	(24.598.790.970)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		565.136.991	419.345.922
- Các khoản dự phòng	03		9.638.685.144	19.414.266.794
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		15.883.324	13.252.560
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.537.718.894)	(3.459.322.647)
- Chi phí lãi vay	06		-	387.040.316
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(7.231.907.923)	(7.824.208.025)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.752.020.691	91.121.230.698
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(39.940.338)	(39.003.226.695)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.556.487.575	(36.657.583.600)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		25.544.540	(189.267.916)
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(387.040.316)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.062.204.545	7.059.904.146
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(49.363.636)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.537.718.894	5.726.445.095
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.488.355.258	5.726.445.095
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(30.823.100.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.000.000)	(146.835.135)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.000.000)	(30.863.483.191)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		7.539.559.803	(18.077.133.950)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	66.281.277.735	72.475.476.462
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.399.690	3.035.637
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	73.824.237.228	54.401.378.149

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025
Phó Tổng Giám đốc

Người lập biểu/Phụ trách Kế toán



Vũ Văn Tuấn



Phạm Nguyên Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 23/11/1995.

Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/9/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 02/01/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 010103351 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/02/2007, đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp thay đổi các lần và lần thứ 07 ngày 29/3/2023.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 29/3/2023 là: 438.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng*).

Trụ sở chính: Số 15 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, phường Kim Liên, TP. Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với Mã chứng khoán VEC.

Số lao động của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025 là 74 người (Tại ngày 31/12/2024 là 71 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Văn phòng Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ: Lắp đặt thiết bị trong lĩnh vực điện tử và cho thuê văn phòng.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2025, Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc và các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

Đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ	Hoạt động chính		
Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics	Số 118 Cát Bi, phường Hải An, TP. Hải Phòng	Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng và thấp hơn trong lĩnh vực điện tử, tin học và các lĩnh vực khác được Nhà nước cho phép.		
Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Con				
Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	15C Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện, điện tử	97,01%	97,01%
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	204 Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán sản phẩm điện, điện tử	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	248A Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện tử	55,54%	55,54%
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	52-54 Nguyễn Huệ, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm điện tử	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	Tầng 5, tòa nhà Sudico, phường Từ Liêm, TP. Hà Nội	Giám sát, thi công xây dựng công trình điện	70,97%	65,00%
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, phường Kim Liên, TP. Hà Nội	Sản xuất sản phẩm điện tử	92,47%	91,86%
Công ty liên doanh liên kết				
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông	18 Nguyễn Chí Thanh, phường Giảng Võ, TP. Hà Nội	Sản xuất, mua bán chương trình đào tạo, phần mềm máy tính	35,70%	35,70%
Công ty Cổ phần Viettronimex	74 – 76 Nguyễn Huệ, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	42,16%	42,16%
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	1026B Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp ráp thiết bị điện tử	33,77%	33,77%
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	26 Lý Tự Trọng, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	28,52%	28,52%
Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec (*)	48BT3 Khu biệt thự bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, TP. Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	49,00%	49,00%
Công ty TNHH DM Vina	Lô CN07, Khu công nghiệp Bình Xuyên II, xã Bình Tuyền, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất sản phẩm từ plastic	41,74%	41,74%

(*) Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec đã ngừng hoạt động và đóng mã số thuế theo Quyết định của Hội đồng Quản trị năm 2013.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Cơ quan Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Cơ quan Tổng Công ty với đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty, không bao gồm số liệu của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Tổng Công ty tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Tổng Công ty.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư (nếu có).

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 40
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định hữu hình khác	05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được ghi giảm và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý, nhượng bán đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất từ 20 năm đến 50 năm. Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không tính khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 năm đến 08 năm

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá trị của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Giá trị của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm đến 03 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí khác bao gồm các loại chi phí trả trước phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường được ghi nhận và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

- 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hoá, lắp đặt; doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ.

Đối với doanh thu bán hàng, lắp đặt

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn là tổng chi phí phát sinh của giá thành sản xuất của sản phẩm và giá vốn dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp của Văn phòng và các đơn vị trực thuộc được thực hiện và kê khai tập trung tại Tổng Công ty.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	205.404.599	84.952.519
Tiền gửi ngân hàng	14.018.832.629	16.596.325.216
Các khoản tương đương tiền	59.600.000.000	49.600.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	59.600.000.000	49.600.000.000
Tổng	73.824.237.228	66.281.277.735

(*): Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới 03 tháng bằng VND với lãi suất 1,9%/năm.

5.2 Các khoản phải thu khách hàng

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	83.755.225.343	88.608.564.332
Công ty TNHH đầu tư thương mại và xuất nhập khẩu Khang Phúc	22.176.666.534	22.176.666.534
Công ty Cổ phần AKA Việt Nam	20.713.690.714	21.013.690.714
Ban quản lý dự án Điện 2 - CN Tập đoàn điện lực Việt Nam	-	70.200.000
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc - CN Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia	814.736.814	1.448.837.040
Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Nam TNHH - Ban Quản lý dự án Điện lực Miền Nam	7.686.601.601	4.628.502.810
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	4.498.480.819	7.481.758.363
Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	-	7.525.961.877
Các khách hàng khác	27.865.048.861	24.262.946.994
Tổng	83.755.225.343	88.608.564.332

Trong đó: Phải thu các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 7.1

23.673.705 **23.673.705**

5.3 Trả trước cho người bán

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	4.854.351.000	4.854.351.000
Công ty CP kỹ thương O & C	3.444.375.576	-
Công ty CP đầu tư và thương mại - HK	-	5.724.629.173
Công ty TNHH XPAD	10.491.048.027	10.491.048.027
Các nhà cung cấp khác	4.582.580.035	3.695.046.619
Tổng	23.372.354.638	24.765.074.819

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.4 Phải thu khác

	30/06/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	31.049.496.892	(2.459.411.224)	30.574.741.427	(2.459.411.224)
Phải thu khác	21.847.880.138	(2.459.411.224)	21.309.837.854	(2.459.411.224)
+ Công ty CP Viettronicsc Công nghiệp	8.290.603.552	-	8.290.603.552	-
+ Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	2.107.997.573	(2.107.997.573)	2.107.997.573	(2.107.997.573)
+ Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	1.539.427.889	-	1.539.427.889	-
+ Thu từ cán bộ công nhân viên đất Long An	2.694.230.000	-	2.694.230.000	-
+ Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	5.989.464.000	-	5.989.464.000	-
+ Phải thu các đối tượng khác	1.226.157.124	(351.413.651)	688.114.840	(351.413.651)
Tạm ứng	9.196.616.754		9.259.903.573	-
Ký cược, ký quỹ	5.000.000		5.000.000	-
Dài hạn	120.245.200	-	120.245.200	-
Phải thu khác	96.245.200	-	96.245.200	-
+ Khoản phải thu Cổ phần hóa tại Trường CĐ nghề Viettronics	64.245.200	-	64.245.200	-
+ Trung tâm dịch vụ Thuận - Trường CĐ nghề Viettronics	32.000.000	-	32.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	24.000.000	-	24.000.000	-
Tổng	31.169.742.092	(2.459.411.224)	30.694.986.627	(2.459.411.224)
Trong đó phải thu các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh 7.1	16.575.507.389		16.049.992.389	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.5 Nợ xấu

	30/06/2025 (VND)				01/01/2025 (VND)			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Số ngày quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu của khách hàng								
Công ty CP Tập đoàn Điện tử Công nghiệp Việt Nam	Trên 5 năm	1.161.897.311	(1.161.897.311)	-	Trên 5 năm	1.161.897.311	(1.161.897.311)	-
Công ty TNHH MTV TM Đầu tư phát triển đô thị	Trên 5 năm	2.653.678.000	(2.653.678.000)	-	Trên 5 năm	2.653.678.000	(2.653.678.000)	-
Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	Trên 5 năm	2.800.000.000	(2.800.000.000)	-	Trên 5 năm	2.800.000.000	(2.800.000.000)	-
Trả trước cho người bán								
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	Trên 5 năm	4.854.351.000	(4.854.351.000)	-	Trên 5 năm	4.854.351.000	(4.854.351.000)	-
Phải thu khác								
Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	Trên 5 năm	2.107.997.573	(2.107.997.573)	-	Trên 5 năm	2.107.997.573	(2.107.997.573)	-
Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	Trên 5 năm	231.346.388	(231.346.388)	-	Trên 5 năm	231.346.388	(231.346.388)	-
Công ty CP Điện tử Hải Phòng	Trên 5 năm	120.067.263	(120.067.263)	-	Trên 5 năm	120.067.263	(120.067.263)	-
Tổng		13.929.337.535	(13.929.337.535)	-		13.929.337.535	(13.929.337.535)	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.349.133.925	-	19.309.193.587	-
Hàng hóa	54.120.000	-	54.120.000	-
Tổng	19.403.253.925	-	19.363.313.587	-

5.7 Chi phí trả trước

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	169.853.497	185.387.287
Công cụ dụng cụ	-	11.200.000
Chi phí thuê	5.514.978	8.588.768
Chi phí tư vấn	151.018.519	151.018.519
Các chi phí khác	13.320.000	14.580.000
Dài hạn	27.674.749	37.685.499
Công cụ, dụng cụ	27.674.749	37.685.499
Tổng	197.528.246	223.072.786

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2025	51.003.504.588	967.636.395	6.322.355.756	469.050.320	90.000.000	58.852.547.059
Tăng trong kỳ	-	-	-	49.363.636	-	49.363.636
Mua trong kỳ	-	-	-	49.363.636	-	49.363.636
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2025	51.003.504.588	967.636.395	6.322.355.756	518.413.956	90.000.000	58.901.910.695
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2025	24.568.358.314	894.441.666	6.322.355.756	469.050.320	7.500.000	32.261.706.056
Tăng trong kỳ	488.552.614	64.110.640	-	3.473.737	9.000.000	565.136.991
Khấu hao trong kỳ	488.552.614	64.110.640	-	3.473.737	9.000.000	565.136.991
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2025	25.056.910.928	958.552.306	6.322.355.756	472.524.057	16.500.000	32.826.843.047
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2025	26.435.146.274	73.194.729	-	-	82.500.000	26.590.841.003
Tại 30/6/2025	25.946.593.660	9.084.089	-	45.889.899	73.500.000	26.075.067.648

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 19.532.801.170 VND (Tại ngày 01/01/2025 là 19.532.801.170 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2025	17.769.140.000	340.090.400	18.109.230.400
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/6/2025	17.769.140.000	340.090.400	18.109.230.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2025	-	340.090.400	340.090.400
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/6/2025	-	340.090.400	340.090.400
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2025	17.769.140.000	-	17.769.140.000
Tại 30/6/2025	17.769.140.000	-	17.769.140.000

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025: 340.090.400 VND (tại ngày 01/01/2025: 340.090.400 VND).

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
Công trình Trụ sở Tổng Công ty tại Cầu Giấy, Hà Nội	5.517.794.123	5.517.794.123
Công trình Trường Cao đẳng nghề Viettronics	4.895.984.545	4.895.984.545
	621.809.578	621.809.578
Tổng	5.517.794.123	5.517.794.123

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Tỷ lệ		30/06/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
		Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con				299.518.746.692	(126.328.829.854)	299.518.746.692	(116.690.144.710)
	Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	97.01%	97.01%	75.462.731.429	(24.781.935.626)	75.462.731.429	(25.290.438.482)
	Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	51.00%	51.00%	15.198.723.728	(3.214.386.728)	15.198.723.728	-
	Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	55.54%	55.54%	133.226.370.342	(66.344.022.342)	133.226.370.342	(59.689.062.342)
	Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	51.00%	51.00%	35.073.921.193	-	35.073.921.193	-
	Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	70.97%	65.00%	13.000.000.000	(4.541.172.291)	13.000.000.000	(4.415.150.112)
	Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	92.47%	91.86%	27.557.000.000	(27.447.312.867)	27.557.000.000	(27.295.493.774)
Đầu tư vào Công ty liên kết				78.969.568.728	(33.694.748.401)	78.969.568.728	(33.694.748.401)
	Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông	35.70%	35.70%	21.684.417.517	-	21.684.417.517	-
	Công ty Cổ phần Viettronimex	42.16%	42.16%	13.987.729.333	-	13.987.729.333	-
	Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	33.77%	33.77%	2.278.518.130	-	2.278.518.130	-
	Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	28.52%	28.52%	895.348.195	-	895.348.195	-
	Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec	49.00%	49.00%	1.276.595.137	(1.276.595.137)	1.276.595.137	(1.276.595.137)
	Công ty TNHH DM Vina	41.74%	41.74%	38.846.960.416	(32.418.153.264)	38.846.960.416	(32.418.153.264)
Tổng				378.488.315.420	(160.023.578.255)	378.488.315.420	(150.384.893.111)

(*): Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM15 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam,
thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.12 Phải trả người bán

	30/06/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	38.873.872.910	38.873.872.910	36.553.714.568	36.553.714.568
Công ty Cổ phần YOTEK	-	-	433.947.240	433.947.240
Công ty CP Đầu tư và thương mại - HK	14.430.087.961	14.430.087.961	-	-
Công ty Cổ phần MEDITRONIC	4.534.830.000	4.534.830.000	4.534.830.000	4.534.830.000
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	1.465.941.465	1.465.941.465	4.886.745.418	4.886.745.418
Công ty CP Công nghệ thông minh Tiến Phát	-	-	3.995.196.522	3.995.196.522
Công ty Cổ phần tiết kiệm năng lượng ESE CORP	6.091.063.662	6.091.063.662	6.091.063.662	6.091.063.662
Các nhà cung cấp khác	12.351.949.822	12.351.949.822	16.611.931.726	16.611.931.726
Tổng	38.873.872.910	38.873.872.910	36.553.714.568	36.553.714.568
<i>Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 7.1</i>	<i>3.820.692.126</i>	<i>3.820.692.126</i>	<i>7.241.496.079</i>	<i>7.241.496.079</i>

5.13 Người mua ứng tiền trước

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	20.767.315.873	19.003.820.589
Ban quản lý dự án Điện 1 - CN Tập đoàn điện lực Việt Nam	6.939.617.000	-
Tổng Công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam	-	612.440.372
Công ty cổ phần kỹ thuật năng lượng Tâm Thành Phát	10.705.150.977	10.705.150.977
Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Nam TNHH - Ban QLDA lưới điện Miền Nam	-	4.628.502.810
Các khách hàng khác	3.122.547.896	3.057.726.430
Tổng	20.767.315.873	19.003.820.589

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2025
a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	78.028.111	653.299.799	628.507.933	102.819.977
Thuế giá trị gia tăng	72.535.056	160.425.943	142.270.926	90.690.073
Thuế thu nhập cá nhân	5.493.055	61.063.175	54.426.326	12.129.904
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	419.309.747	419.309.747	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	12.500.934	12.500.934	-
b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	45.130.503	-	-	45.130.503
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.130.503	-	-	45.130.503

5.15 Chi phí phải trả

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	47.800.000	47.800.000
Chi phí lắp đặt, chạy thử thiết bị	47.800.000	47.800.000
Tổng	47.800.000	47.800.000

5.16 Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	289.250.000	311.937.500
Doanh thu nhận trước tiền học phí	289.250.000	311.937.500
Tổng	289.250.000	311.937.500

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.17 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	7.940.370.042	7.900.162.933
Kinh phí công đoàn	102.051.474	48.844.365
Các khoản phải trả phải nộp khác	7.838.318.568	7.851.318.568
<i>Cổ tức phải trả (*)</i>	<i>2.673.755.000</i>	<i>2.684.755.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Công trình Viettronics</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>
<i>CBCNV ứng tiền mua đất tại Long An</i>	<i>1.302.400.000</i>	<i>1.302.400.000</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>862.163.568</i>	<i>864.163.568</i>
Dài hạn	1.020.000.000	1.020.000.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	1.020.000.000	1.020.000.000
Tổng	8.960.370.042	8.920.162.933
<i>Trong đó phải trả khác là các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 7.1</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>

(*) Khoản cổ tức phải trả cổ đông các năm trước khi Tổng Công ty giao dịch đại chúng, hiện chưa thực hiện lưu ký chứng khoán.

5.18 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	438.000.000.000	38.679.596.792	(23.031.947.886)	453.647.648.906
Lỗi trong năm trước	-	-	(27.308.331.983)	(27.308.331.983)
Số dư tại 31/12/2024	438.000.000.000	38.679.596.792	(50.340.279.869)	426.339.316.923
Số dư tại 01/01/2025	438.000.000.000	38.679.596.792	(50.340.279.869)	426.339.316.923
Lỗi trong kỳ này	-	-	(11.913.894.488)	(11.913.894.488)
Số dư tại 30/6/2025	438.000.000.000	38.679.596.792	(62.254.174.357)	414.425.422.435

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	385.297.500.000	385.297.500.000
Vốn góp của cổ đông khác	52.702.500.000	52.702.500.000
Tổng	438.000.000.000	438.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	438.000.000.000	438.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	438.000.000.000	438.000.000.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.800.000	43.800.000
Cổ phiếu phổ thông	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.800.000	43.800.000
Cổ phiếu phổ thông	43.800.000	43.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.19 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ**Ngoại tệ các loại**

	30/6/2025		01/01/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng				
USD	2.440,14	63.297.231	2.466,21	62.490.927
EUR	476,02	14.341.430	485,99	12.724.676
Tổng	2.916,2	77.638.661	2.952,2	75.215.603

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng, lắp đặt	50.652.153.644	25.535.936.726
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.761.163.959	3.910.788.780
Tổng	55.413.317.603	29.446.725.506

6.2 Giá vốn về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Giá vốn bán hàng, lắp đặt	49.497.007.689	24.031.085.163
Giá vốn cung cấp dịch vụ	861.905.608	937.298.731
Tổng	50.358.913.297	24.968.383.894

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	479.294.894	608.463.647
Cổ tức được chia	5.058.424.000	2.850.859.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	68.043.560
Tổng	5.537.718.894	3.527.366.207

Trong đó: Doanh thu tài chính với các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh 7.1

5.058.424.000

2.850.859.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM15 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam,
thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí lãi vay	-	387.040.316
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	112.850.724	97.344.300
Dự phòng tổn thất đầu tư	9.638.685.144	19.414.266.794
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	15.883.324	13.252.560
Tổng	9.767.419.192	19.911.903.970

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí bán hàng	681.999.411	183.479.117
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.464.247	72.524.722
Chi phí bằng tiền khác	676.535.164	110.954.395
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.046.221.186	12.507.997.530
Chi phí nhân viên quản lý	6.199.272.163	6.829.479.820
Chi phí khấu hao TSCĐ	400.042.291	419.345.922
Thuế phí và lệ phí	5.685.000	4.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	606.604.815	724.577.219
Chi phí bằng tiền khác	4.834.616.917	4.530.094.569
Tổng	12.728.220.597	12.691.476.647

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Thu nhập khác		
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	112.195.009	-
Thu nhập khác	254	50.001
Tổng	112.195.263	50.001
Chi phí khác		
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	122.210.055	-
Chi phí khác	363.107	1.168.173
Tổng	122.573.162	1.168.173
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(10.377.899)	(1.118.172)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM15 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam,
thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(11.913.894.488)	(24.598.790.970)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(5.058.424.000)	(2.850.859.000)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	5.058.424.000	2.850.859.000
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>5.058.424.000</i>	<i>2.850.859.000</i>
Tổng thu nhập tính thuế	(16.972.318.488)	(27.449.649.970)
Thuế suất TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49.123.128.099	63.014.384.382
Chi phí nhân công	6.199.272.163	6.261.018.351
Chi phí khấu hao tài sản cố định	565.136.991	419.345.922
Chi phí dịch vụ mua ngoài	615.893.583	724.577.219
Chi phí khác bằng tiền	6.623.643.396	4.920.429.697
Tổng	63.127.074.232	75.339.755.571

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách bên liên quan của Tổng Công ty như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	Công ty con
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	Công ty con
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	Công ty con
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Công ty con
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Viettronimex	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao	Công ty liên kết
Công ty TNHH DM Vina	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM15 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam,
thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.1 Thông tin các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
		VND	VND
Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Người quản lý khác	Lương và thù lao	1.183.772.572	1.071.030.000
<i>Chi tiết như sau:</i>			
Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
		VND	VND
Ông Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Vũ Hải Vĩnh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	192.318.000	181.880.000
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên HĐQT	18.000.000	166.420.000
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Chủ tịch HĐQT	185.898.000	175.880.000
Ông Nguyễn Trung Dũng	Kế toán trưởng (Đến ngày 09/4/2025); Thành viên HĐQT (Từ ngày 10/4/2025)	169.726.572	154.310.000
Ông Phạm Nguyên Anh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	175.512.000	166.870.000
Ông Giáp Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	159.566.000	-
Ông Văn Việt Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	48.000.000	-
Bà Vũ Hoài Anh	Trưởng ban kiểm soát	174.752.000	165.670.000
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên Ban Kiểm soát	18.000.000	18.000.000
Ông Phạm Trung Hoàng	Thành viên Ban Kiểm soát	18.000.000	18.000.000
Tổng		1.183.772.572	1.071.030.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM15 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam,
thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng		23.673.705	23.673.705
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Công ty con	23.673.705	23.673.705
Phải thu khác		16.575.507.389	16.049.992.389
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Công ty con	8.290.603.552	8.290.603.552
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	Công ty con	1.539.427.889	1.539.427.889
Công ty TNHH DM Vina	Công ty liên kết	230.496.948	230.496.948
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	Công ty con	4.661.984.000	5.989.464.000
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	Công ty con	1.224.000.000	-
Công ty Cổ phần Viettronimex	Công ty liên kết	543.445.000	-
Công ty Cổ phần máy tính Việt Nam	Công ty liên kết	85.550.000	-
Phải trả người bán		3.820.692.126	7.241.496.079
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Công ty con	2.354.750.661	2.354.750.661
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	Công ty con	1.465.941.465	4.886.745.418
Phải trả khác		3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	Công ty con	3.000.000.000	3.000.000.000

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Cổ tức			5.058.424.000	2.850.859.000
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	Công ty con	Cổ tức	2.661.984.000	2.661.984.000
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	Công ty con	Cổ tức	1.224.000.000	-
Công ty Cổ phần Viettronimex	Công ty liên kết	Cổ tức	1.086.890.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	Công ty liên kết	Cổ tức	-	103.325.000
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	Công ty liên kết	Cổ tức	85.550.000	85.550.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Người lập biểu/Phụ trách Kế toán



Vũ Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Nguyên Anh